

Số: /BC-UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023;

Căn cứ Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

Căn cứ Công văn số 4119/STC-TT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng về việc báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024;

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024, với nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo THPTK, CLP

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã triển khai các văn bản đến các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện tốt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THPTK, CLP) tại các cuộc họp giao ban của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu và ban hành Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024, Chương trình số 52/CTr/TU ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng, Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27/CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, có những hành động và việc làm cụ thể để tạo sự chuyển

biển thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, năng suất, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ, có hiệu quả và tiết kiệm. Tổ chức công khai tài chính, minh bạch trong chi tiêu, rõ ràng trong quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trên cơ sở giám sát của tổ chức chính trị, xã hội và quần chúng nhân dân. Trong thực hiện giao quyền tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính với cơ quan nhà nước, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị được giao quyền tự chủ, công tác quản lý tài chính và thực hành tiết kiệm đã có chuyên môn rõ rệt, thực hiện tốt việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ chi tiết, cụ thể, xây dựng được định mức trong cách xác định thu nhập tăng thêm cho công chức trong đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức các cấp đảm bảo công khai, dân chủ, làm căn cứ tổ chức quản lý và thực hiện trong việc sử dụng ngân sách và tham gia giám sát của cán bộ, công chức trong việc chấp hành các định mức chi tiêu tài chính trên tinh thần tiết kiệm, đạt năng suất và hiệu quả công tác.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP

Căn cứ vào Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã xây dựng Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024. Theo đó, chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn, năm theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực phụ trách và địa phương. Trong quản lý điều hành ngân sách hằng năm, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã chỉ đạo các đơn vị sử dụng ngân sách giảm tối đa các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo; kinh phí tổ chức các ngày lễ lớn, các ngày kỷ niệm thành lập ngành theo tinh thần tiết kiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc họp, hội nghị. Các phòng, ban, đơn vị ban hành kế hoạch và triển khai đến tất cả cán bộ, công chức của các đơn vị.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính và xác định rõ các nội dung phải THPTK, CLP theo quy định của Luật, từ đó đề ra các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm. Giao nhiệm vụ

cho một số cơ quan quan ban, ngành theo chức năng trong việc rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý, hệ thống văn bản quy định về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước; tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện thu, chi NSNN, quản lý sử dụng tài sản công.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Năm 2024, Thanh tra đã triển khai và kết thúc 04 cuộc thanh tra. Trong đó:

- Đã triển khai và kết thúc 02 cuộc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải và Phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã. Qua thanh tra kiến nghị chấn chỉnh một số nội dung còn hạn chế như sổ tiếp công dân chưa ghi đầy đủ nội dung, chưa thực hiện việc mở sổ thụ lý đơn; chưa thực hiện tốt việc tuyên truyền các quy định về pháp luật, chế độ báo cáo chưa đảm bảo theo quy định; một số nội dung trong quy chế chi tiêu nội bộ chưa phù hợp; việc công khai ngân sách thực hiện chưa đúng quy định.

- Đã triển khai và kết thúc 02 cuộc thanh tra về việc chấp hành các chính sách, pháp luật về công tác thu, chi tài chính ngân sách và các nguồn thu, chi khác tại Ủy ban nhân dân xã Lai Hòa và Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Qua thanh tra phát hiện tổng số sai phạm về kinh tế số tiền 1.838.265.514 đồng, kiến nghị thu hồi số tiền 723.711.362 đồng (ngân sách nhà nước số tiền 671.211.362 đồng, Quỹ “Vì người nghèo” của đối tượng được thanh tra số tiền 52.500.000 đồng). Đến nay, đã thu hồi số tiền 723.711.362 đồng/723.711.362 đồng, đạt 100%. Kiến nghị chấn chỉnh rút kinh nghiệm 04 tập thể, 05 cá nhân; kiểm điểm 07 cá nhân; xử lý trách nhiệm 05 cá nhân. Ngoài ra còn một số chứng từ thanh toán chưa đúng biểu mẫu, thiếu biểu mẫu, chưa in lưu một số sổ sách kế toán, việc công khai ngân sách thực hiện chưa đầy đủ và một số nội dung sai phạm khác liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách xã theo quy định.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CÁC LĨNH VỰC

Năm 2024, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan có những chuyển biến khá rõ nét; các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã đi vào trọng tâm, trọng điểm cho thấy hoạt động của cơ quan và các phòng, ban, đơn vị cơ bản đã quan tâm và thực hiện công khai, minh bạch, nhất là lĩnh vực tài chính; quản lý, sử dụng tài sản, điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm và kinh phí từ ngân sách Nhà nước đúng theo chế độ, định mức, tiêu chuẩn quy định; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xảy ra hành vi lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Qua quá trình triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả thiết thực ở một số lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Các đơn vị thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm

2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính với cơ quan nhà nước, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, bám sát vào các văn bản hướng dẫn tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài làm việc tại tỉnh Sóc Trăng, mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số nội dung Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và một số văn bản liên quan đến định mức, tiêu chuẩn, chế độ khác.

Trên cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Trung ương và địa phương, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy định việc sử dụng kinh phí thường xuyên cho các khoản mục về chế độ công vụ cơ quan, văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, nhiên liệu, hội nghị, tiếp khách, máy vi tính, máy in, máy fax,...

Phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ theo quy định.

2. THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)

Năm 2024, tiếp tục triển khai Luật ngân sách năm 2015. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã trình Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu phân bổ và giao dự toán ngân sách Nhà nước đúng quy định Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách. Công tác triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn bổ sung mục tiêu đảm bảo theo đúng mục đích, nội dung của Chương trình đảm bảo theo các quy định hiện hành; đồng thời, tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, bổ sung kịp thời cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo đầy đủ nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi đúng mục đích, quy định. Qua đó, đã

tiết kiệm trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán quản lý sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024.

Trong 9 tháng năm 2024, công tác lập, thẩm định phê duyệt, phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách đã tiết kiệm số tiền 423 triệu đồng; dự toán năm 2024 đã thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên, giữ lại ngân sách thị xã thực hiện cải cách tiền lương 7.696 triệu đồng tại Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu; thực hiện Công văn số 2531/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 với số tiền 276 triệu đồng.

Các cơ quan ban, ngành thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường đã xây dựng và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình trong việc quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên nhằm tiết kiệm kinh phí như sử dụng điện thoại, điện chiếu sáng cơ quan, khoán công tác phí, xăng dầu, chi tiêu hội nghị, tiếp khách, văn phòng phẩm,... để có tăng thêm thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức trên cơ sở về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đúng theo quy định, quá trình thực hiện tiết kiệm được với số tiền 333 triệu đồng.

3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Thực hiện Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã chỉ đạo các cơ quan ban, ngành thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc đảm bảo đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, đúng định mức, chế độ quy định. Trong mua sắm luôn có kế hoạch cụ thể và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, dự toán tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ, Chỉ thị số 1792/CT-TTg, Chỉ thị số 27/CT-TTg, Chỉ thị số 14/CT-TTg của Chính phủ. Phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được xét duyệt và khả năng bố trí vốn.

Công tác tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Thông qua công tác đấu thầu đã lựa chọn được các nhà thầu có kinh nghiệm, năng lực thực hiện dự án, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện, giảm chi phí đầu tư.

Công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của các dự án được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Tài chính, hạn chế tối đa tình trạng thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Năm 2024 tiếp nhận 42 dự án, công trình, với tổng giá trị 157.817 triệu đồng, đã thẩm tra phê duyệt quyết toán 38 công trình, với tổng giá trị 140.060 triệu đồng. Các hạng mục công trình được thẩm tra và phê duyệt quyết toán đã giảm trừ qua thẩm tra 03 triệu đồng.

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc ngày càng chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng: Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư thực hiện chặt chẽ ở các khâu đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn đầu tư. Kết quả đã tiết kiệm từ lĩnh vực này với số tiền 5.977 triệu đồng (trong đó: thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán là 766 triệu đồng; đấu thầu 5.208 triệu đồng; thẩm tra và phê duyệt quyết toán 3 triệu đồng).

Tiếp tục thực hiện rà soát sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thị xã theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

5. THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Trong quản lý đất đai: công tác quản lý và sử dụng đất đai theo Luật đất đai và các văn bản quy định. Công tác đo đạc, lập quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy định, tiết kiệm có hiệu quả.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: tiếp tục thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường đến năm 2024; triển khai thực hiện đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã.

6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Trong thời gian qua, các cơ quan ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường có nhiều nỗ lực triển khai và đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách về thủ tục hành chính. Việc cải cách chế độ công vụ, công chức đã được các cơ quan ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục triển khai thực hiện, trong đó tập trung hoàn thiện thể chế, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử, phần mềm quản lý kế toán, tài sản tại đơn vị, hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch; thực hiện chính sách tinh giản biên chế, sắp xếp bố trí sắp xếp lại cho phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn, gắn với công tác đánh giá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã tích cực triển khai thực hiện công tác THTK, CLP đến cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Qua đó, tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động; đã khắc phục được những hạn chế, yếu kém, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các cơ quan, đơn vị triển khai chương trình THTK, CLP của Ủy ban nhân dân tỉnh, thị xã và cụ thể hóa bằng kế hoạch của mình, trên cơ sở đó đã thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính mới; đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát, xây dựng phương án chi trả thu nhập, thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Tinh thần trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đối với công tác THTK, CLP ngày càng nâng cao; đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch THTK, CLP; thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chính sách chế độ trong quy chế chi tiêu nội bộ của từng đơn vị đúng theo quy định.

2. Những tồn tại, hạn chế

Công tác xây dựng Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số cơ quan, đơn vị chưa cụ thể, chưa gắn với nhiệm vụ tại đơn vị, địa phương

mình. Việc tổ chức triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, chưa sát thực tế công tác quản lý và điều hành.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số cơ quan, đơn vị tồn tại những hạn chế như sau: một số ít cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo, báo cáo chưa kịp thời nên việc tổng hợp báo cáo chung tình hình THTK, CLP của cơ quan được giao chủ trì gặp nhiều khó khăn.

III. III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THTK, CLP NĂM 2025

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đẩy mạnh việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, thị xã về liên quan đến công tác THTK, CLP.

Thực hiện nghiêm các quy định của Luật ngân sách nhà nước trong tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước.

Chủ động sắp xếp, điều chỉnh các nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng thu ngân sách; tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi thường xuyên, cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách. Điều hành dự toán ngân sách nhà nước chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và giải ngân các dự án, nhất là các dự án sử dụng vốn các chương trình mục tiêu. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, đẩy nhanh tiến độ trong đầu tư xây dựng; quan tâm hơn nữa công tác quản lý chất lượng công trình, thanh toán vốn đầu tư, tránh nợ đầu tư công.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và chế độ thông tin báo cáo về công tác THTK, CLP. Gương mẫu, nêu cao tinh thần tự giác của cán bộ, công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong các cơ quan hành chính.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

Thực hiện tốt việc công khai dự toán, quyết toán ngân sách và tài sản công ở các đơn vị dự toán; công tác tự kiểm tra tài chính tại đơn vị.

Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch nhằm phát hiện và xử lý nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong các lĩnh vực thuộc ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát về chấp hành chế độ định mức tiêu chuẩn về tài chính, nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào các lĩnh vực sau: quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước; các Chương trình

mục tiêu quốc gia; mua sắm trang thiết bị làm việc, ... để kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý.

Tuyên truyền ý thức về THPT, CLP trong sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân, vận động Nhân dân xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, trong tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội...

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu. Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu báo cáo trước kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu cuối năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Các cơ quan Đảng, CQ, MTTQ, ĐT;
- TT. HĐND-UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

Nguyễn Thanh Liêm

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024

của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)		793	0
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		460	0
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng	0	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	0	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng	0	
1.4	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		460	0
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng	51	
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng	0	
-	Tiết kiệm sử dụng điện	Triệu đồng	0	
-	Tiết kiệm xăng dầu	Triệu đồng	0	
-	Tiết kiệm nước sạch	Triệu đồng	0	
-	Tiết kiệm công tác phí	Triệu đồng	40	
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền	Triệu đồng	147	
-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm, họp mặt	Triệu đồng	106	
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	Triệu đồng	16	
-	Các khoản tiết kiệm khác		100	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		333	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		333	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng	54	
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng	14	
-	Tiết kiệm sử dụng điện	Triệu đồng	27	
-	Tiết kiệm xăng dầu	Triệu đồng	2	
-	Tiết kiệm nước sạch	Triệu đồng	6	
-	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	57	
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền	triệu đồng	64	
-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm, họp mặt	triệu đồng	66	
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	triệu đồng	34	
-	Các khoản tiết kiệm khác		10	
2.2.	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		0	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng	0	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm		0	
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	Triệu đồng	0	
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	triệu đồng	0	
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	0	
	Các nội dung khác		0	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	0	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng	0	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học công nghệ	Triệu đồng	0	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		0	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	0	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	0	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	0	
4	Các nội dung khác		0	
II	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NSNN, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC		5.977	
1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	0	
2	Số kinh phí tiết kiệm được gồm:	Triệu đồng	5.977	
2.1	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	766	
2.2	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh</i>	<i>Triệu đồng</i>	5.208	
2.3	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	
2.4	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	3	
3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng	0	
4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án	0	
5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		0	
	<i>Số lượng</i>	<i>Dự án</i>	0	
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	
6	Các nội dung khác		0	
III	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN SỬ DỤNG NSNN, CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG		0	
1	Trụ sở làm việc		0	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5
1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	0	
1.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	
1.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	
1.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	
1.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	
1.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	0	
2	Nhà công vụ		0	
2.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	0	
2.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	
2.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	
2.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng	0	
3	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		0	
3.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	0	
3.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	Chiếc	0	
3.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	0	
3.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	
3.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng	0	
4	Tài sản khác		0	
4.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển thu hồi		0	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5
4.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được		0	
4.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản		0	
5	Các nội dung khác		0	